TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/KDTM-PT
Ngày 16-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2024/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 76/2024/KDTM–ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH S; địa chỉ: 1 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bùi An B, sinh năm 1981; địa chỉ: 6 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện uỷ quyền theo Giấy ủy quyền ngày 30/9/2024, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G; địa chỉ: Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Đình T, sinh năm 1992; địa chỉ: A 009.11, Chung cư F, số A đường P, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện uỷ quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/12/2024, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Bùi An B trình bày:

Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G) có thoả thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc số 04 ngày 20/5/2024. Nội dung hợp đồng, Công ty S là bên bán các loại mặt hàng sơn cho Công ty G là bên mua. Số lượng hàng và đơn giá tuỳ thuộc vào từng đơn hàng do Công ty G đặt. Trước mỗi đợt giao hàng Công ty G thông báo bằng điện thoại cho Công ty S về loại hàng, số lượng hàng từng loại, ngày giờ nhận hàng và giá của từng mặt hàng. Khi giao hàng Công ty S sẽ giao cùng Hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty G và nhân viên của Công ty G ký nhận hàng và hoá đơn. Vào cuối mỗi tháng Công ty S sẽ tổng kết công nợ và thông báo cho Công ty G qua điện thoại. Trong quá trình mua bán hàng hoá Công ty G đã nhận đủ hàng và không có khiếu nại gì về số lượng cũng như chất lượng hàng hoá. Do việc mua bán được thực hiện bằng phương thức giao hàng trước và trả tiền sau nên Công ty G còn nợ tiền hàng của Công ty S là 418.902.000 đồng. Công ty S đã yêu cầu Công ty G thanh toán khoản nợ trên nhưng Công ty G không thanh toán được. Ngày 27/7/2024, hai công ty có làm việc về khoản nợ của Công ty G thì Công ty G có viết cam kết đến ngày 30/3/2025 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ, phương thức thanh toán là mỗi tháng trả số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Nhưng Công ty G không thực hiện đúng như cam kết nêu trên chưa thanh toán cho Công ty S.

Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn Công ty G phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 418.902.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH G:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Bản án sơ thẩm số 76/2024/KDTM–ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 418.902.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 11/01/2025, bị đơn Công ty TNHH G kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đều có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo Văn bản cam kết trả nợ ngày 27/7/2024, ông Thạch Mắt K – là người đại diện theo pháp luật của Công ty G đã xác nhận còn nợ Công ty S số tiền mua hàng hóa 418.902.000 đồng và cam kết đến ngày 30/3/2025 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ, mỗi tháng trả từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đến nay, Công ty G không thực hiện trả nợ như đã cam kết. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền 418.902.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bị đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH S có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 04/3/2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH G có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/4/2025. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Công ty TNHH G kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không nêu rõ lý do.

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ mua hàng hoá (sơn các loại) là 418.902.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ

chứng minh là hợp đồng nguyên tắc số 04 ngày 20/5/2024, hai hoá đơn giá trị gia tăng số 20 ngày 20/6/2024 với số tiền 242.357.500 đồng và số 27 ngày 22/7/2024 với số tiền 176.544.500 đồng, tổng cộng là 418.902.000 đồng và Bản cam kết của Công ty TNHH G ngày 27/7/2024 về việc trả số tiền nợ 418.902.000 đồng hàng tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện trả nợ theo cam kết nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ trên là đúng quy định pháp luật.

[3] Bị đơn Công ty TNHH G kháng cáo nhưng không trình bày được lý do, không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH G.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/KDTM-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 418.902.000 (bốn trăm mười tám triệu chín trăm lẽ hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH G phải nộp số tiền 20.756.080 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 10.378.000 đồng (Mười triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004385 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH G phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004934 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT(1), Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Dũng